

Bản án số: 38/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 11 - 2020

V/v: *Tranh chấp về Ly hôn và nuôi con.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Dũng Tấn.

2. Bà Trịnh Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Quy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Minh – kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2020, về việc *Tranh chấp về Ly hôn và nuôi con*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 10/9/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2020/QĐST - HNGĐ ngày 30/9/2020 và quyết định hoãn phiên tòa lần 2 số: 29/2020/QĐST - HNGĐ ngày 22/10/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn Ng T, xã Th Ng1, huyện Thiệu Hóa, Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn Ng T, xã Th Ng1, huyện Thiệu Hóa, Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt anh Tr, chị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 28 tháng 7 năm 2020, bản tự khai ngày 28 tháng 7 năm 2020 nguyên đơn là anh Nguyễn Văn Tr trình bày:

Anh và chị Hoàng Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng kết hôn tại UBND xã Th1 Đ, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 31/7/1999. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được đến 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, không hiểu nhau, anh Tr đi làm ăn ở Quảng Ninh, khi về chị H xúc phạm anh Tr, anh Tr yêu cầu chị H xin lỗi nhưng chị H không xin lỗi. Vì vậy anh Tr

đã bỏ đi miền Nam làm ăn từ năm 2005 đến nay. Vợ chồng anh sống ly thân nhau từ đó đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Nay anh Tr xét thấy không còn tình cảm vợ chồng với chị H, nên anh Tr đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên các cháu là Nguyễn văn S, sinh ngày 22/06/2000 và cháu Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 11/12/2004. Nay vợ chồng ly hôn cháu S đã trưởng thành cháu đã có gia đình riêng, anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu Đ còn nhỏ hiện nay cháu đang ở cùng chị H do vậy anh Tr đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn Văn Đ cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và anh Tr có nghĩa vụ đóng góp nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 1.000.000đ(Một triệu đồng) cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 30 tháng 7 năm 2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Hoàng Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn Tr kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng kết hôn tại UBND xã Th1 Đ, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 31/7/1999, khi đăng ký kết hôn do nhầm lẫn nên UBND xã Th1 Đ ghi tên chị trong giấy đăng ký kết hôn là Lê Thị H, nhưng họ chính thức của chị là Hoàng Thị H. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 05 năm thì anh Tr đi làm ăn ở Quảng Ninh 02 năm, sau đó anh Tr về và lại tiếp tục đi miền Nam làm ăn. Thời gian làm ăn trong miền Nam thì thoảng anh Tr có về nhưng mỗi lần về là lại gây gỗ đánh đập chị, anh Tr đi làm ăn nhưng không có trách nhiệm với vợ con. Vì vậy chị H xét thấy đang còn tình cảm vợ chồng với anh Tr nên chị H không đồng ý ly hôn và đề nghị được đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên các cháu là Nguyễn văn S, sinh ngày 22/06/2000 và cháu Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 11/12/2004. Do vẫn mong muốn vợ chồng đoàn tụ nên chị H không đề nghị giải quyết vấn đề con chung.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12/8/2020 cháu Nguyễn Văn Đ là con chung của anh Nguyễn Văn Tr và chị Hoàng Thị H, trình bày nguyện vọng của cháu được ở với mẹ, khi bố mẹ ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án thấy rằng giấy chứng nhận kết hôn chị H và anh Tr đều không ký tên vào phần dành cho người đăng ký kết hôn. Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa đã tiến hành xác minh tính pháp lý của giấy chứng nhận kết hôn của anh Nguyễn Văn Tr và chị Hoàng Thị H. Qua xác minh thì thấy anh Nguyễn Văn Tr và chị Hoàng Thị H có đến UBND xã Th1 Đ, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa đăng ký kết hôn và được cán bộ UBND xã ghi vào sổ đăng ký kết hôn, do khi làm thủ tục cán bộ UBND xã không yêu cầu công dân ký vào giấy đăng ký kết hôn nên chị H và anh Tr không ký vào giấy.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn Tr và chị Hoàng Thị H đều thừa nhận anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đến UBND xã Th1 Đ, huyện Thiệu Hóa,

tỉnh Thanh Hóa làm thủ tục đăng ký kết hôn, việc không ký vào giấy đăng ký kết hôn là do cán bộ xã không yêu cầu anh chị ký vào nên anh chị không ký.

Tại phiên tòa anh Tr vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H; Về phần con chung anh Tr đề nghị giao cháu Nguyễn Văn Đ cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh Tr cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 3.000.000đ; Về tài sản anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị H cho rằng anh Tr có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bên ngoài nên về xin ly hôn chị, song chị H thừa nhận chị không có chứng cứ chứng minh việc anh Tr có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Vì vậy chị H vẫn giữ quan điểm xin được đoàn tụ gia đình.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa có quan điểm:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa xét xử, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa không có yêu cầu hoặc kiến nghị gì cần khắc phục vi phạm về tố tụng.

Về hướng giải quyết vụ án: Anh Tr là người chồng nhưng không có trách nhiệm với vợ con trong thời gian đi làm ăn xa nhưng chị H vẫn chấp nhận người chồng như anh Tr. Vì vậy đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX xem xét:

1. Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu của anh Tr, bác đơn ly hôn của anh Tr.

2. Về nuôi con chung: Do bác đơn của anh Tr nên đại diện Viện kiểm sát không có quan điểm về con chung và tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. HĐXX nhận định.

[1].Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn Tr khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Hoàng Thị H, chị H có hộ khẩu và nơi cư trú tại Thôn Ng T, xã Th Ng1, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, nên căn cứ vào khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

[2].Về nội dung:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Tr và chị Hoàng Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th1 Đ, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 31/7/1999. Thấy rằng giấy chứng nhận kết hôn ghi tên Lê Thị H, nhưng UBND xã Th1 Đ (mới nhập thành UBND thị trấn Thiệu Hóa) xác nhận chị Lê Thị H trong giấy chứng nhận kết hôn và chị Hoàng Thị H trong sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân là một người, khi làm việc tại Tòa án chị H cũng thừa nhận đúng thực tế chị là Hoàng Thị H và có đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Văn Tr vào ngày 31/7/1999. Quá trình giải quyết vụ án nhận thấy giấy

chứng nhận kết hôn chị H và anh Tr đều không ký tên và phần dành cho người đăng ký kết hôn. Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa đã tiến hành xác minh tính pháp lý của giấy chứng nhận kết hôn và xác định được anh Nguyễn Văn Tr và chị Hoàng Thị H có đến UBND xã Th1 Đ, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa đăng ký kết hôn và được cán bộ UBND xã ghi vào sổ đăng ký kết hôn, do khi làm thủ tục cán bộ UBND xã không yêu cầu công dân ký vào giấy đăng ký kết hôn nên chị H và anh Tr không ký vào giấy. Mặt khác quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa chị H và anh Tr đều thừa nhận đúng thực tế anh Tr và chị H có đến UBND xã đăng ký kết hôn một cách tự nguyện. Như vậy thực tế việc đăng ký kết hôn giữa anh Tr và chị H không vi phạm các điều cấm của luật hôn nhân gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được 05 năm, do bất đồng quan điểm và không hiểu nhau nên dẫn đến vợ chồng không tôn trọng nhau; Anh Tr đã bỏ vào miền Nam làm ăn từ năm 2008 đến nay. Thời gian anh Tr bỏ đi vào miền Nam làm ăn không có trách nhiệm với gia đình vợ con. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị H đều có nguyện vọng vợ chồng về đoàn tụ, song quá trình giải quyết vụ án chị H không có biện pháp hữu hiệu nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh Tr, chị H cũng thừa nhận mỗi lần vợ chồng gặp nhau là lại xảy ra cãi vã nhau. Tại phiên tòa chị H cho rằng anh Tr có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nhưng chị H không có chứng cứ để chứng minh. Tại phiên tòa anh Tr vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn chị H. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát cho rằng anh Tr không có trách nhiệm với vợ con trong thời gian đi làm ăn xa nhưng chị H vẫn chấp nhận người chồng như anh Tr nên đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX bác đơn xin ly hôn của anh Tr, không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Tr. Hội đồng xét xử xét thấy anh Tr, chị H sống ly thân nhau đã lâu, quá trình sống ly thân anh Tr không quan tâm và cũng không có trách nhiệm với vợ con, như vậy chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó đề nghị của đại diện Viện kiểm sát không có căn cứ chấp nhận. HĐXX xét thấy căn cứ khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh Tr được ly hôn chị H là phù hợp.

- Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án anh Tr, chị H đều thừa nhận vợ chồng có hai con chung tên các cháu là Nguyễn Văn S, sinh ngày 22/06/2000 và cháu Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 11/12/2004. Hiện nay cháu Nguyễn Văn S đã trưởng thành và đã có gia đình riêng, anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét. Đối với cháu Nguyễn Văn Đ chưa đủ 18 tuổi, lâu nay cháu đang ở cùng chị H do vậy anh Tr đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn Văn Đ cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và anh Tr có nghĩa vụ đóng góp nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng) cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa chị H có nguyện vọng được đoàn tụ nên không có yêu cầu về con chung. Xét nguyện vọng của anh Tr thì thấy lâu nay cháu Đ ở với chị H, cuộc sống của cháu đang ổn định vì vậy giao cháu Đ cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Việc nuôi dưỡng con cái chưa thành niên là nghĩa vụ của cha mẹ. Vì vậy HĐXX xét thấy nên chấp nhận yêu cầu về việc cấp dưỡng của nguyên đơn, buộc anh Tr cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) là phù hợp.

- Về tài sản chung: Anh Tr, chị H không yêu cầu giải quyết nên HĐXX miễn xét.

[3]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Tr phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Từ các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1, Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 9; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn Tr ly hôn chị Hoàng Thị H.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 11/12/2004 cho chị Hoàng Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh Nguyễn Văn Tr cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 3.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 11 năm 2020 cho đến khi cháu Nguyễn Văn Đ đủ 18 tuổi.

Anh Tr có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc các bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ khi chị H có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng, nếu chưa thi hành án, hàng tháng anh Tr phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền và thời gian chưa thi hành án, mức lãi suất chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự hoặc khi pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Tr phải chịu tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số AA/2017/0005770 ngày 28/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa. Buộc anh Nguyễn Văn Tr phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Tr hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Anh Tr, chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND thị trấn Thiệu Hóa;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

- *Thi hành án dân sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Lê Thị Thu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA